**TRƯỜNG THPT THANH KHÊ**

**TỔ: NGỮ VĂN**

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ 1 - NĂM HỌC 2022– 2023**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 11**

**A. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 –2023**

 **1. Thời gian làm bài: 90 phút.**

**2. Đề thi gồm có 2 phần:**

**Phần Đọc hiểu (3,0 điểm).**

 - Đề đọc hiểu gồm 4 câu cho 4 mức độ: ***Nhận biết, thông hiểu, vận dụng***.

 - Phạm vi ra đề: Ngữ liệu ngoài sách giáo khoa, thuộc các thể loại: Nghị luận thơ, truyện trung đại; truyện hiện đại Việt Nam.

**Phần 2: Làm văn (7,0 điểm).**

**Câu 1: Nghị luận xã hội (2,0 điểm):** Nghị luận về một tư tưởng đạo lí hoặc nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**Câu 2: Nghị luận văn học (5.0 điểm):** Các tác phẩm, đoạn trích đã học trong chương trình học kì 1.

**B.** **NỘI DUNG ÔN TẬP**

Để chuẩn bị cho kì thi học kì 1, học sinh cần ôn tập các bài học trong chương trình Ngữ văn 11 (tập 1). Đặc biệt các em cần tập trung theo định hướng như sau:

**I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (3.0 điểm)**

- Phạm vi: văn bản ngoài chương trình.

- Mức độ: Nhận biết, thông hiểu, vận dụng, vận dụng cao.

- Nội dung: Các em nhớ lại những kiến thức - kĩ năng đọc hiểu văn bản. Đặc biệt lưu ý các vấn đề sau:

+ Xác định nội dung, đề tài, chủ đề.

+ Xác định phương thức biểu đạt

+ Xác định các biện pháp tu từ và hiệu quả sử dụng

+ Suy nghĩ về từ ngữ, câu, hình ảnh... có trong văn bản

+ Cảm nhận về bài học, ý nghĩa rút ra từ văn bản...

**II. PHẦN LÀM VĂN**

1. **Nghị luận xã hội (2.0 điểm)**

**\* Yêu cầu chung:**

- Cần đảm bảo dung lượng đoạn văn (khoảng 150 chữ)

- Đề chỉ yêu cầu viết đoạn văn nên các em không được tách đoạn. Bài làm trình bày trong một đoạn văn, có viết hoa lùi đầu dòng, và kết thúc đoạn bằng dấu kết thúc câu và xuống dòng.

- Vì là đoạn văn độc lập nên cần có câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. Cấu trúc đoạn văn lí tưởng nhất là dạng Tổng – Phân – hợp. Có câu chủ đề, các câu triển khai, và câu chốt ý, mở rộng ở cuối đoạn.

– Cần lưu ý nguyên tắc viết đoạn, tránh kể lể bàn luận lan man trùng lặp. Phần mở đoạn và kết đoạn chỉ nên viết trong một câu ngắn gọn. Trong đó mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận, thân đoạn triển khai nội dung nghị luận, kết đoạn viết về bài học cho bản thân…

– Dẫn chứng mang tính tiêu biểu, điển hình và phù hợp làm nổi bật vấn đề nghị luận, tránh kể lể lan man dài dòng.

- Và điều quan trọng nhất là cần xác định đúng khía cạnh của vấn đề để bàn luận, tránh lạc đề hay lan man.

\* **Dạng bài nghị luận về một tư tửởng, đạo lí**

 ***Kiến thức chung***

* Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí là dạng đề thường bàn về một quan điểm, một tư tưởng như: lòng dũng cảm, lòng khoan dung, thói vô cảm, vô trách nhiệm,…
* Dấu hiệu để nhận biết kiểu bài này là thường là những câu nói trực tiếp để trong ngoặc kép của các nhà tư tưởng, các danh nhân nổi tiếng hoặc những câu văn, câu thơ, ý kiến trích dẫn trong tác phẩm văn học,…

 ***Cách làm***

Cần tìm hiểu tư tưởng trong câu nói là tư tưởng gì?, đúng sai như thế nào? Từ đó xác định phương hướng bàn luận *(nội dung*) và cách bàn luận (*sử dụng thao tác lập* *luận nào*).

 ***Dàn ý khái quát***

*Mở bài:* Giới thiệu tư tưởng đạo lí cần bàn.

*Thân bài:*

 Giải thích tư tưởng đạo lí.

 Phân tích mặt đúng, bác bỏ mặt sai.

 Phương hướng phấn đấu.

*Kết bài:*

 Ý nghĩa tư tưởng, đạo lí trong đời sống.

 Bài học nhận thức cho bản thân.

***\*Dạng bài nghị luận về một hiện tượng đời sống***

 ***Kiến thức chung***

Nghị luận về một hiện tượng đời sống là dạng đề mang tính thời sự, bàn về một vấn đề của xã hội (tốt – xấu) đang diễn ra trong cuộc sống hàng ngày như: *tai nạn giao* *thông, bạo lực học đường, tiêu cực trong thi cử, …*

 ***Cách làm***

* Cần nêu rõ hiện tượng, phân tích mặt đúng, sai, lợi, hại. Chỉ ra nguyên nhân.
* Bày tỏ thái độ, ý kiến của người viết bắng các thao tác lập luận phù hợp.
* Bàn luận và đưa ra những đề xuất, giải pháp của mình trước hiện tượng đó.

 ***Dàn ý khái quát***

*Mở bài:* Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận.

*Thân bài:*

* + Triển khai các vấn đề cần nghị luận
	+ Thực trạng của hiện thực đời sống, tác động (tích cực, tiêu cực)
	+ Thái độ của xã hội đối với hiện tượng, lí giải nguyên nhân (nguyên nhân khách quan, chủ quan), giải pháp để giải quyết hiện tượng.

*Kết bài:*

* + - Khái quát lại vấn đề nghị luận.
		- Thái độ của bản thân về hiện tượng đời sống cần nghị luận.
1. **Nghị luận văn học ( 5.0 điểm)**
* Phạm vi: các văn bản văn học trong chương trình Ngữ văn 11, tập 1 (trừ các văn bản đã nằm trong chương trình giảm tải, các bài đọc thêm, tự học). Lưu ý tập trung các/văn bản sau:

**Bài 1: *Tự tình (bài II)* – Hồ Xuân Hương -**

**1. Tìm hiểu chung**

 a/Tác giả

 Hồ Xuân Hương là một trong những nhà thơ nữ tiêu biểu của nền văn học trung đại Việt Nam, được mệnh danh là “bà chúa thơ nôm”. Bà là một “thiên tài kì nữ” nhưng cuộc đời đầy éo le, bất hạnh. Thơ Hồ Xuân Hương là thơ của phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà vẫn rất trữ tình. Một trong những bài thơ tiêu biểu viết về tâm trạng, nỗi niềm của người phụ nữ trước duyên phận, cuộc đời mình là “Tự tình” (II).

 b/ Tác phẩm

 “Tự tình” (II) là bài thơ thuộc chùm thơ “Tự tình” gồm ba bài của Hồ Xuân Hương. Đây là chùm thơ nữ sĩ viết để tự kể nỗi lòng, tâm tình của mình. Tác phẩm được viết bằng chữ Nôm, làm theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật với bố cục bốn phần: đề, thực, luận, kết. Bài thơ thể hiện thái độ, tâm trạng vừa đau đớn, vừa phẫn uất trước thực tại đau buồn, tuy vậy, bà vẫn gắng gượng vươn lên, nhưng rồi vẫn rơi vào bi kịch. Dựa vào nội dung bài thơ, ta có thể đoán bài thơ được sáng tác khi bà đã gặp phải những éo le, bất hạnh trong tình duyên.

**2. Đọc - hiểu văn bản**

a/ Nội dung

- Hai câu đề: Bối cảnh không gian, thời gian và tâm trạng cô đơn, buồn tủi, bẽ bàng về duyên phận của nhân vật trữ tình.

* Hai câu thực: Gợi lên hình ảnh người phụ nữ trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng, với nỗi chán chường, đau đớn, ê chề.
* Hai câu luận: Cảnh thiên nhiên trong cảm nhận của người mang sẵn nỗi niềm phẫn uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.
* Hai câu kết: Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc – cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

b/ Nghệ thuật:

Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh ngụ tình; phép đối, đảo; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

c/ Ý nghĩa văn bản:

 Bản lĩnh Hồ Xuân Hương được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch : vừa buồn tủi, phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa cháy bỏng khao khát được sống hạnh phúc.

**Bài 2. *Câu cá mùa thu* (Nguyễn Khuyến)**

**1. Tìm hiểu chung**

a/ Tác giả

Nguyễn Khuyến là nhà nho tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân nhưng bất lực trước thời cuộc, được mệnh danh là “nhà thơ của dân tình làng cảnh Việt Nam”.

b/ Tác phẩm

Đề tài: mùa thu (nằm trong chùm thơ thu ba bài: Thu điếu, Thu vịnh, Thu ẩm)

**2. Đọc – hiểu văn bản**

a/ Nội dung

- Hai câu đề: giới thiệu mùa thu với hai hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa, bộc lộ rung cảm của tâm hồn thi sĩ trước cảnh đẹp mùa thu.

- Hai câu thực: tiếp tục nét vẽ về mùa thu với hình ảnh sóng biếc gợn thành hình, lá vàng rơi thành tiếng, gợi vẻ tĩnh lặng của mùa thu.

- Hai câu luận: không gian của bức tranh thu được mở rộng cả về chiều cao và chiều sâu với nét đặc trưng của cảnh thu đồng bằng Bắc Bộ thanh, cao, trong, nhẹ...

- Hai câu kết: hình ảnh của ông câu cá trong không gian thu tĩnh lặng và tâm trạng u buồn trước thời thế.

b/ Nghệ thuật

- Bút pháp thủy mặc Đường thi và vẻ đẹp thi trung hữu họa của bức tranh phong cảnh.

- Vận dụng tài tình nghệ thuật đối.

c/ Ý nghĩa văn bản

Vẻ đẹp của bức tranh mùa thu, tình yêu thiên nhiên đất nước và tâm trạng thời thế của tác giả.

**Bài 3. *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)**

**1. Tìm hiểu chung**

a/ Tác giả

Thạch Lam là người đôn hậu và tinh tế, đặc biệt thành công ở truyện ngắn. Ông chủ yếu khai thác thế giới nội tâm nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ. Mỗi truyện của ông như một bài thơ trữ tình...

b/ Tác phẩm

*Hai đứa trẻ* (in trong tập *Nắng trong vườn* - 1938) là một trong những tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu cho phong cách truyện ngắn Thạch Lam.

**2. Đọc – hiểu văn bản**

a/ Nội dung

- Phố huyện lúc chiều tàn: đó là cảnh chiều tàn, chợ tàn và những kiếp người tàn tạ. Nó gợi trong Liên nỗi buồn man mác và niềm trắc ẩn, cảm thương cho những đứa trẻ lam lũ, tội nghiệp.

- Phố huyện lúc đêm khuya:

+ Khung cảnh thiên nhiên và con người: ngập chìm trong đêm tối mênh mông. Đường phố và các ngõ con chứa đầy bóng tối (ánh sáng chỉ hé ở khe cửa, quầng sáng quanh ngọn đèn chị Tí, chấm lửa nhỏ ở bếp lửa của gánh phở bác Siêu, từng hột sáng lọt qua phên nứa).

+ Nhịp sống của những người dân lặp đi lặp lại một cách đơn điệu, buồn tẻ với những động tác quen thuộc, những suy nghĩ, mong đợi như mọi ngày. Họ mong đợi “một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày”

+ Tâm trạng Liên: nhớ lại những tháng ngày tươi đẹp ở Hà Nội, buồn bã, yên lặng dõi theo cảnh đời nhọc nhằn, những kiếp người tàn tạ, cảm nhận sâu sắc về cuộc sống tù đọng trong bóng tối của họ.

- Phố huyện lúc chuyến tàu đêm đi qua: sáng bừng lên và huyên náo trong chốc lát rồi lại chìm vào bóng tối. Chị em Liên hân hoan hạnh phúc khi tàu đến, nuối tiếc, bâng khuâng lúc tàu đi qua. Con tàu mang theo mơ ước về một thế giới khác sáng tươi hơn...

b/ Nghệ thuật

- Cốt truyện đơn giản, nổi bật là những dòng tâm trạng chảy trôi, những cảm xúc, cảm giác mong manh mơ hồ trong tâm hồn nhân vật.

- Bút pháp tương phản đối lập.

- Miêu tả sinh động những biến đổi tinh tế của cảnh vật và tâm trạng con người.

- Ngôn ngữ, hình ảnh giàu ý nghĩa tượng trưng.

- Giọng điệu thủ thỉ thấm đượm chất thơ, chất trữ tình sâu lắng

c/ Ý nghĩa

Thể hiện niềm thương cảm chân thành của Thạch Lam với những kiếp sống nghèo khổ, chìm khuất trong mỏi mòn, tăm tối, quẩn quanh nơi phố huyện trước Cách mạng và sự trân trọng với những mong ước nhỏ bé, bình dị mà tha thiết của họ...

**Bài 4. *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân)**

**1. Tìm hiểu chung**

a/ Tác giả

Nguyễn Tuân sinh ra trong gia đình nhà nho khi Hán học đã tàn. Ông là nghệ sĩ tài hoa, uyên bác, có cá tính độc đáo. Ông sáng tác ở nhiều thể loại song đặc biệt thành công ở thể loại tùy bút.

b/ Tác phẩm

Rút từ tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* (1940)

**2. Đọc – hiểu văn bản**

a/ Nội dung

**\* Tình huống truyện**

- Gặp nhau nơi tối tăm ngục tù

- Hai số phận khác nhau, hoàn toàn trái ngược nhau

- Họ là tri kỉ trong nghệ thuật nhưng họ là kẻ thù trong địa vị xã hội

=> Một tình huống truyện vô cùng éo le và độc đáo: cuộc gặp gỡ khác thường của hai con người khác thường giữa chốn ngục tù căng thẳng. Không gian và thời gian góp phần tạo nên kịch tính cho tình huống.

**\* Nhân vật Huấn Cao**

- Một tài năng hiếm có trong việc viết thư pháp:

+ Có tài viết chữ “rất nhanh và rất đẹp”.

+ “Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm… có được chữ ông Huấn mà treo là có một báu vật ở trên đời”.

- Ông có một tâm hồn yêu nghệ thuật, trong sáng và yêu nghệ thuật

+ Tâm hồn trong sáng, cao đẹp: “Không vì vàng ngọc hay quyền thê mà ép mình viết câu đối bao giờ” ⇒ trọng nghĩa, khinh lợi, chỉ cho chữ những người tri kỉ.

+ Khi chưa biết tấm lòng của quản ngục: xem y là kẻ tiểu nhân

+ Khi biết tấm lòng”biệt nhỡn liên tài” của quản ngục: Huấn Cao nhận lời cho chữ

=> Chỉ cho chữ những người biết trân trọng cái tài và quý cái đẹp.

+ Câu nói của Huấn Cao với quản ngục: “Thiếu chút nữa... trong thiên hạ”

- Dù đã vào tù nhưng ông vẫn luôn hiên ngang, chính trực

+ Thản nhiên rũ rệp trên thang gông

+ Khi được viên quản ngục biệt đãi: “Thản nhiên nhận rượu thịt” như “việc vẫn làm trong cái hứng bình sinh”

+ Trả lời quản ngục bằng thái độ khinh miệt: “Ngươi hỏi ta muốn gì... vào đây”.

=> Phong thái tự do, ung dung, xem nhẹ cái chết.

- Qua nhân vật Huấn Cao đã thấy được tình yêu nghệ thuật, tình yêu quê hương đất nước thầm kín.

**\* Nhân vật viên quản ngục**

- Viên quản ngục là một người say mê cái đẹp

+ Khát khao cái đẹp: mong ước của ông là “được treo ở nhà riêng một đôi câu đối” do chính tay Huấn Cao viết.

+ Lo lắng nếu như không xin được chữ ông Huấn trước khi bị hành hình thì “ân hận suốt đời mất”

- Là một người biết quý trọng người tài

+ Trong những ngày Huấn Cao trong ngục, quản ngục luôn bày tỏ thái độ nghiêm kính khiêm nhường

+ Dũng cảm biệt đãi Huấn Cao

+ Cảm thấy tiếc nuối khi biết Huấn Cao sắp phải từ giã cõi đời: “Bấy nhiêu... vũ trụ”.

- Ông có tâm hồn trong sáng

- Yêu cái đẹp, yêu nghệ thuật trong sáng

**\* Cảnh cho chữ**

- Thời gian: đêm trước khi Huấn Cao ra pháp trường chịu án chém, khi chỉ còn “vẳng có tiếng mõ trên vọng canh”

- Địa điểm: trại giam tỉnh Sơn

- Không gian: buồng tối chật hẹp, ẩm ướt...

- Đây là "cảnh tượng xưa nay chưa từng có" :

+ Thân phận và hành động của người cho chữ và nhận chữ đặc biệt:

+ Xây dựng được các cặp phạm trù đối lập nhau

- Chi tiết quản ngục cúi đầu vái lạy người tử tù Huấn Cao: sự thức tỉnh trước cái đẹp, quản ngục đã thoát ra những cái tầm thường, ràng buộc để vươn tới cái cao đẹp.

⇒ Toàn bộ cảnh cho chữ là bài ca tôn vinh cái đẹp, cái thiện, cái thiên lương của con người trong hoàn cảnh tối tăm ngục tù bậc nhất.

**\* Nghệ thuật**

- Tình huống truyện độc đáo.

- Sử dụng thành công thủ pháp đối lập, tương phản

- Xây dụng thành công nhân vật Huấn Cao – con người hội tụ nhiểu vẻ đẹp

**\* Ý nghĩa**

Khẳng định và tôn vinh sự chiến thắng của cái đẹp, cái thiện và nhân cách cao cả của con người đồng thời bộc lộ lòng yêu nước thầm kín của nhà văn.

**Bài 5. *Hạnh phúc của một tang gia* (Vũ Trọng Phụng)**

1. **Tìm hiểu chung**

a/ Tác giả:

- Sinh ra trong một gia đình nghèo, chỉ tốt nghiệp tiểu học.

 - Sống chật vật với nghề làm báo và viết văn.

- Là ngòi bút có sức sáng tạo dồi dào.

- Thành công nhất ở thể loại tiểu thuyết và phóng sự. Vũ Trọng Phụng là một trong những nhà văn hàng đầu của văn học hiện thực trào phúng Việt Nam. Tác phẩm của ông 7 thường vạch trần bộ mặt xấu xa, phù phiếm của xã hội thực dân nửa phong kiến bằng một giọng văn thật đặc biệt.

b/ Tác phẩm:

Đoạn trích *Hạnh phúc của một tang gia* thuộc chương XV của tiểu thuyết *Số đỏ*.

1. **Đọc hiểu văn bản**

\* Niềm vui chung của gia đình trước cái chết của cụ cố Tổ: Được chia gia tài.

\* Niềm vui riêng của từng thành viên trước cái chết của cụ cố Tổ.

\* Niềm vui của những người đi đưa đám tang.

\* Cảnh đám tang:

- Hình thức tổ chức đám tang: to tát, đầy đủ nhưng thiếu tình người.

 - Cảnh hạ huyệt: Mỗi thành viên trở thành một diễn viên đại tài.

**b/ Giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm:**

\* Giá trị nội dung:

 - Đoạn trích miêu tả cụ thể niềm vui của từng thànhviên trong tang gia cũng như ngoài tang gia để từ đó vạch trần thói đạo đức giả trong một gia đình thượng lưu đương thời và cũng từ đó chỉ rõ sự xuống cấp, suy đồi, tha hóa của cả một xã hội nửa ta, nửa Tây. Đó là một màn đại hài kịch phong phú và rất biến hoá.

- Từ nội dung chương truyện, tác giả phê phán, châm biếm xã hội thượng lưu thành thị rởm đời, giả dối, hãnh tiến; lên án những con người vì quyền lợi, tiền tài mà giẫm đạp lên đạo lý, tình người; mong muốn thức tỉnh lương tâm, nhận thức củacon người.

\* Giá trị nghệ thuật:

 - Cách xây dựng nhan đề tạo nhiều bất ngờ qua sự song hành của hai cảm xúc đối lập: đau buồn và hạnh phúc. Sự đối lập ấy vừa gây tò mò, hấp dẫn vừa hé mở sự mỉa mai, châm biếm với một gia đình thượng lưu đặt tiền tài lên trên cả tình thân và đạo đức.

- Nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật (có sự kết hợp miêu tả chân dung đám đông và chân dung cá nhân): đối lập giữa hành động bên ngoài với niềm vui, toan tính và động cơ bên trong

- Nghệ thuật quan sát, miêu tả độc đáo, sử dụng kỹ năng điện ảnh để dựng cảnh.

- Lời văn linh hoạt, giản dị. Câu văn có hình ảnh so sánh, liên tưởng độc đáo chứa đựng sự châm biếm, đả kích sâu sắc.

 - Phát hiện tình huống mâu thuẫn và trào phúng đặc sắc.

- Sử dụng thủ pháp cường điệu, phóng đại, nói ngược, nói mỉa, đối lập…

**Bài 6. *Chí Phèo* (Nam Cao)**

1. **Tìm hiều chung**

a/ Tác giả:

- Quê quán: làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam - làng quê nghèo, dân đông, ruộng ít, bị bọn cường hào bóc lột trắng trợn, nặng nề, xuất hiện trong nhiều sáng tác của Nam Cao với tên gọi: làng Vũ Đại.

- Có quan điểm sáng tác rất rõ ràng và cụ thể. Nam Cao quan niệm: muốn viết cho nhân đạo thì phải sống cho nhân đạo

- Đề tài chính: người trí thức nghèo và nông dân nghèo.

- Phong cách nghệ thuật độc đáo.

b/ Tác phẩm:

- Thể loại: Truyện ngắn.

- Đề tài và nhan đề:

+ Số phận người nông dân nghèo trước Cách mạng tháng Tám.

+ *Chí Phèo* lúc đầu có tên là “Cái lò gạch cũ”, sau đó nhà xuất bản Đời Mới đổi lại thành “Đôi lứa xứng đôi” (1941), sau này tác giả tự sửa lại là “Chí Phèo”. Được in trong tập Luống Cày (1946).

**2. Đọc hiểu văn bản**

***a. Hình tượng nhân vật Chí Phèo***

***\**** Chí Phèo trước khi đi tù: là người nông dân lương thiện, chăm chỉ có ước mơ bình dị, dù trong hoàn cảnh nào vẫn giữ được lương tâm trong sáng.

\* Chí Phèo sau khi đi tù (quá trình lưu manh hóa):bị vùi dập cả thể xác lẫn tâm hồn. Nhà tù thực dân tiếp tay cho tầng lớp cường hào ác bá giết chết phần người trong con người Chí – Chí Phèo là sản phẩm của chế độ xã hội tàn ác – tác giả tố cáo XH thực dân phong kiến 🢧 Giá trị hiện thực của tác phẩm

*\** Cuộc gặp gỡ của Chí Phèo với thị Nở (Quá trình thức tỉnh):Chí Phèo đã hoàn toàn thức tỉnh, Chí đang đứng trước tình huống có lối thoát là con đường trở về với cuộc sống của một con người. Cái nhìn đầy chiều sâu nhân đạo của nhà văn.

\* Bi kịch bị cự tuyệt của Chí Phèo

- Nguyên nhân: do bà cô Thị Nở không cho Thị lấy Chí Phèo → định kiến của xã hội .

- Diễn biến tâm trạng của Chí Phèo:

 + Lúc đầu: Chí ngạc nhiên, thích chí trước thái độ của giận dữ của Thị Nở

+ Về sau: hiểu rõ sự thật thì ngẩn ra - sửng sốt - không nói lên lời - Thị bỏ đi thì đuổi theo - níu lại - nắm lấy tay - bị đẩy ngã lăn xuống đất - uống rượu - càng uống càng tỉnh - đau khổ, tuyệt vọng - khóc rưng rức - xách dao ra đi - vừa đi vừa chửi.

\* Ý nghĩa cái chết của Chí Phèo: Không thể sống bình yên lương thiện trong xã hội ấy, không có con đường trở về với cuộc sống lương thiện. → Chí Phèo chết để giúp mình thoát khỏi kiếp quỷ dữ. Trước đây, Chí Phèo sống như một con vật, nay thức tỉnh Chí Phèo chết như một con người. Niềm khao khát lương thiện còn cao hơn cả tính mạng.Cái chết của Chícó ý nghĩa tố cáo mãnh liệt cái xã hội thực dân phong kiến, không những đẩy người nông dân lương thiện vào con đường lưu manh hóa mà còn đẩy họ vào chỗ chết.

=> CP điển hình cho số phận bi thảm của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám

***b. Giá trị nghệ thuật và nội dung của tác phẩm:***

\* Giá trị nội dung:

- Tác phẩm tái hiện con đường tha hóa và hồi sinh của một người nông dân nghèo từ đó khẳng định bi kịch đau đớn, cay đắng nhất của họ là bi kịch bị từ chối quyền làm người vĩnh viễn vì dù cho họ có đánh đổi cả tính mạng để được trở lại làm người.

- Đồng thời qua tác phẩm, tác giả còn khẳng định bản chất lương thiện ẩn sâu trong trái tim mỗi con người mà hoàn cảnh, sự tàn ác của xã hội không thể tiêu diệt.

- Đó còn là tiếng kêu cứu đòi quyền lương thiện chongười nông dân trước sự áp bức, bóc lột của xã hội nửa thực dân phong kiến.

- Thể hiện tấm lòng yêu thương con người thiết tha, sâu nặng của tác giả, là tiếng nói bênh vực quyền sống và nhân phẩm của con người.

\* Giá trị nghệ thuật:

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật điển hình độc đáo, sống động, gây ấn tượng.

- Khắc hoạ tâm lý nhân vật tài tình.

 - Kết cấu mới mẻ, đầy sáng tạo - kết cấu tâm lý.

- Cốt truyện hấp dẫn, đầy kịch tính.

 - Giọng văn trần thuật đặc sắc đa thanh đa giọng điệu, kết hợp, đan cài lồng ghép giữa đối thoại và độc thoại nội tâm.

- Ngôn ngữ giản dị mang hơi thở của cuộc sống.

***Chúc các em ôn tập tốt và thành công!***

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021****Môn: Ngữ văn, Lớp: 11***Thời gian làm bài*: *90 phút, không tính thời gian phát đề* |

*Họ và tên học sinh:…………………………………... Mã số học sinh:………………….*

**I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)**

**Đọc đoạn trích:**

 *Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm: “cây hoàng lan”, mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hàng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.*

*Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.*

 *Nghe thấy bà đi vào. Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc, buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình.Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.*

(Trích *Dưới bóng hoàng lan* -Thạch Lam, NXB Văn hóa Thông tin, 2007, tr. 165-166)

**Thực hiện các yêu cầu sau:**

**Câu 1.** Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

**Câu 2.** Trong đoạn trích,*cây hoàng lan* được miêu tả qua những chi tiết nào?

**Câu 3.** Nêu tâm trạng của nhân vật Thanh khi trở về *dưới bóng hoàng lan* trong đoạn trích.

**Câu 4.** Anh/Chị hãy nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích.

**II. LÀM VĂN (7,0 điểm)**

**Câu 1 *(2,0 điểm)***

Anh/Chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.

**Câu 2 *(5,0 điểm)***

Phân tích hình tượng nhân vật Huấn Cao trong đoạn trích sau:

*Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vẳng có tiếng mõ vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián.*

*Trong không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, làm họ dụi mắt lia lịa.*

*Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng, đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản, ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng dậy và đĩnh đạc bảo:*

*- Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi.Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông tươi tắn nó nói nên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?...Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên về quê mà ở, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc cái đời lương thiện đi.*

 *Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.*

 *Ba người nhìn bức châm, rồi lại nhìn nhau.*

 *Ngục quan cảm động, vái người tử tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào: “Kẻ mê muội này xin bái lĩnh”.*

(Trích *Chữ người tử tù -* Nguyễn Tuân*, Ngữ văn 11*,Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 113 -114)

......................Hết.......................

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**ĐỀ MINH HỌA | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I NĂM HỌC 2020 - 2021****ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM****Môn: Ngữ văn, lớp 11***(Đáp án và hướng dẫn chấm gồm …. trang)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **3,0** |
|  | **1** | Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích: tự sự, miêu tả, biểu cảm.***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được 3 phương thức biểu đạt: 0,75 điểm.**- Học sinh nêu được 2 phương thức biểu đạt: 0,5 điểm.**- Học sinh nêu được 1 phương thức biểu đạt: 0,25 điểm.* | 0,75 |
| **2** | Những những chi tiết miêu tả *cây hoàng lan* trong đoạn trích: *lá cây rung động; thân cây vút cao; mùi hương thơm thoang thoảng; cây đã lớn.****Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được 3 chi tiết trở lên: 0,75 điểm.**- Học sinh nêu được 2 chi tiết: 0,5 điểm.**- Học sinh nêu được 1 chi tiết: 0,25 điểm.* | 0,75 |
| **3** | Tâm trạng của nhân vật Thanh trong đoạn trích: cảm thấy nhẹ nhàng, thư thái, bình yên khi tắm mình trong không khí tươi mát của hương hoàng lan và đón nhận sự săn sóc của bà.***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh nêu được các nét tâm trạng của nhân vật (nhẹ nhàng, thư thái, bình yên) hoặc có cách diễn đạt tương đương:1,0 điểm.**- Học sinh nêu được 1 hoặc 2 nét tâm trạng: 0,5 điểm.* | 1,0 |
| **4** | Nhận xét về nghệ thuật miêu tả tâm trạng nhân vật của Thạch Lam trong đoạn trích: miêu tả tinh tế các sắc thái tâm trạng; ngôn ngữ trong sáng, gợi cảm; giọng điệu nhẹ nhàng, giàu chất trữ tình. ***Hướng dẫn chấm:****- Học sinh nêu được 2 ý trở lên: 0,5 điểm.**- Học sinh nêu được 1 ý: 0,25 điểm.****Lưu ý:*** *Học sinh trả lời các ý trong Đáp án bằng các từ ngữ/cách diễn đạt tương đương vẫn cho điểm tối đa.* | 0,5 |
| **II** |  | **LÀM VĂN** | **7,0** |
|  | **1** | Viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của bản thân về vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống. | ***2,0*** |
| *a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn*Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận*Vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống. | 0,25 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận*Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống. Có thể theo hướng sau: Sự trải nghiệm đem lại hiểu biết, kinh nghiệm thực tế, giúp con người trưởng thành, vững vàng; cuộc sống trở nên phong phú, sâu sắc hơn; …***Hướng dẫn chấm:*** *+ Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; dẫn chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữ lí lẽ và dẫn chứng (0,75 điểm).**+ Lập luận chưa thật chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng nhưng không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không tiêu biểu (0,5 điểm).**+ Lập luận không chặt chẽ, thiếu thuyết phục: lí lẽ không xác đáng, không liên quan mật thiết đến vấn đề nghị luận, không có dẫn chứng hoặc dẫn chứng không phù hợp (0,25 điểm).****Lưu ý:*** *Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.* | 0,75 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt***Hướng dẫn chấm:*** *Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh huy động được kiến thức và trải nghiệm của bản thân để bàn luận về hiện tượng đời sống;có cách nhìn riêng, mới mẻ về vấn đề nghị luận; có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận, làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, đoạn văn giàu sức thuyết phục.*- *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên 0,5 điểm.*- *Đáp ứng được 1 yêu cầu 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **2** | Phân tích hình tượng nhân vật Huấn Cao trong đoạn trích. | ***5,0*** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
| *b. Xác định đúng vấn đề cần nghị* Vai trò của sự trải nghiệm trong cuộc sống.***Hướng dẫn chấm:****- Học sinh xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,5 điểm.**- Học sinh xác định chưa đầy đủ vấn đề nghị luận: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| *\* Giới thiệu tác giả (0,25 điểm), tác phẩm, đoạn trích và nhân vật (0,25 điểm)* | 0,5 |
| *\* Phân tích**-* Hoàn cảnh: + Tử tù Huấn Cao có tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp. Quản ngục biệt đãi Huấn Cao để bày tỏ sự ngưỡng mộ, trân trọng.+ Huấn Cao đáp lại bằng thái độ khinh bạc. Đêm trước khi bị giải về kinh chịu án chém, Huấn Cao hiểu ra tấm lòng *biệt nhỡn liên tài* của viên quản ngục và đồng ý cho chữ ngay trong buồng giam chật hẹp, ẩm ướt...- Tư thế, hành động, ngôn ngữ:+ Tư thế, hành động: người tử tù *cổ đeo gông, chân vướng xiềng*, *đang dậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh* toát lên phong thái ung dung, uy nghi, *đĩnh đạc* của người nghệ sĩ tài hoa, có khí phách hiên ngang.+ Ngôn ngữ: khuyên viên quản ngục *thay chốn ở, thoát khỏi nghề* cai ngục*, giữ thiên lương cho lành vững*; lời khuyên bộc lộ thiên lương trong sáng, nhân cách cao đẹp của nhân vật.- Nghệ thuật khắc họa nhân vật: đặt nhân vật vào tình huống độc đáo; sử dụng ngôn ngữ giàu tính tạo hình, bút pháp lãng mạn để tô đậm vẻ đẹp của nhân vật.***Hướng dẫn chấm:****- Phân tích đầy đủ, sâu sắc: 2,0 điểm - 2,5 điểm**- Phân tích chưa đầy đủ hoặc chưa sâu : 1,0 điểm - 1,75 điểm.**- Phân tích chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.* | 2,5 |
| *\* Đánh giá:*- Nhân vật Huấn Cao được khắc họa với vẻ đẹp lí tưởng, hiện ra trong hình ảnh của người sáng tạo và ban phát cái đẹp.- Nhân vật Huấn Cao thể hiện quan niệm thẩm mĩ tiến bộ, lòng yêu nước thầm kín và ngòi bút tài hoa của Nguyễn Tuân.***Hướng dẫn chấm:***-*Trình bày được 2 ý: 0,5 điểm.*-*Trình bày được 1 ý: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt***Lưu ý:*** *Không cho điểm nếu bài làm mắc quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.* | 0,25 |
| *e. Sáng tạo*Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.***Hướng dẫn chấm:*** *Học sinh biết vận dụng lí luận văn học trong quá trình phân tích, đánh giá; biết so sánh với các tác phẩm khác để làm nổi bật nét đặc sắc của truyện ngắn Nguyễn Tuân; biết liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn đời sống; văn viết giàu hình ảnh, cảm xúc.*- *Đáp ứng được 2 yêu cầu trở lên: 0,5 điểm.*- *Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.* | 0,5 |
| **Tổng điểm** | **10,0** |

..........................Hết............................